

TỔNG HỢP NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHI THUỜNG XUYỀN NGO
CÁC THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chu Đ

Stt	Nội dung	Số tiền	Số, ngày văn bản
1	Chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng nhân ngày Tết Nguyên đán năm 2024 (Mã dự phòng 110)	857.750.000	30/STC-QLNS ngày 17/01/2024
2	Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	948.780.000	45/STC-QLNS ngày 04/03/2024
3	Vốn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (phân khai theo Quyết định 234/QĐ-UBND-HC ngày 26/3/2024 của UBND Tỉnh) 00470	1.503.000.000	57/STC-QLNS ngày 04/4/2024
	- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Xây dựng đề án, quản lý, giám sát, tập huấn, tổ chức sơ kết, tổng kết, khảo sát lựa chọn hộ, hợp xét chọn đối tượng, chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện mô hình, cho hộ dân vay vốn	914.000.000	
	- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác theo quy định.	378.000.000	
	- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp do UBND tỉnh quy định	127.000.000	
	- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Tổ chức đối thoại chính sách giảm nghèo	49.000.000	
	- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình: Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo	35.000.000	
4	Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đợt 1 năm 2024	2.010.000.000	82/STC-QLNS ngày 04/5/2024

Stt	Nội dung	Số tiền	Số, ngày văn bản
4.1	- Hỗ trợ dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm (theo Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018) năm thứ hai (Dự án liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nhân của Hợp tác xã Nông nghiệp hữu cơ An Phú Thuận) (0493)	92.000.000	
4.2	- Hỗ trợ lương cho lao động trẻ làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND Tỉnh- nguồn NS tỉnh (năm thứ hai) 0493-100	410.000.000	
4.3	- Đào tạo nghề nông nghiệp theo Kế hoạch 92/KH-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh (5 lớp; 150 người) (0493)	148.000.000	
4.4	- Chi phí quản lý lớp Đào tạo nghề nông nghiệp (3,5%) (0502)	5.000.000	
4.5	- Đào tạo nghề phi NN theo Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 06/7/2021 của UBND Tỉnh (11 lớp; 225 người) (Hỗ trợ đào tạo 0493; Chi phí quản lý lớp học (3,5%) 0502)	351.000.000	
4.6	- Chi phí quản lý lớp Đào tạo nghề phi NN (3,5%) (0502)	11.000.000	
4.7	- Thực hiện các hoạt động thường niên về tuyên truyền, tổ chức hội thi, hỗ trợ chủ thể OCOP (0493)	230.000.000	
4.8	- Thực hiện truyền thông, tập huấn về NTM tại địa phương (0502)	77.000.000	
4.9	- Hỗ trợ 50% cho xã Tân Nhuận Đông xây dựng tiêu chí Nông thôn mới kiểu mẫu (0495-0498-100)	686.000.000	
4.9.1	+ Thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	200.000.000	
4.9.2	+ Hỗ trợ chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới (Mô hình làng thông minh)	486.000.000	
	. Trang bị phòng học STEM cho Trường Tiểu học Nha Môn 2 và Trường THCS Tân Nhuận Đông	361.000.000	
	. Hỗ trợ mô hình Quan trắc nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp, quan trắc đo 05 chỉ tiêu: Độ mặn, mực nước, pH, DO và nhiệt độ nước	125.000.000	
	TỔNG CỘNG	5.319.530.000	

Phụ lục 01

PHẦN DẠY TOÁN,

âu Thành)

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

[illegible]

BIỂU PHÂN BỐ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHI THƯỜNG XUYÊN NGOÀI DỰ TOÁN, CÁC THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung; Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Chi tiết nhiệm vụ chi theo lĩnh vực					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Đảm bảo XH	SN. Kinh tế	SN. Giáo dục-ĐT	SN Văn hóa TT	SN. Môi trường		
A	B	1=3+...+6	2	3	4	5	6	C	D
1	Chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng nhân ngày Tết Nguyên đán năm 2024 (Mã dự phòng 110)	857.750.000	857.750.000					Phòng Lao động-Thương binh và xã hội Huyện	
2	Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	948.780.000	948.780.000						
3	Vốn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (phân khai theo Quyết định 234/QĐ-UBND-HC ngày 26/3/2024 của UBND Tỉnh) 00470	1.503.000.000		1.292.000.000	162.000.000	49.000.000			
	- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Xây dựng đề án, quản lý, giám sát, tập huấn, tổ chức sơ kết, tổng kết, khảo sát lựa chọn hộ, hợp xét chọn đối tượng, chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện mô hình, cho hộ dân vay vốn	914.000.000		914.000.000				Phòng Lao động-Thương binh và xã hội Huyện	
	- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác theo quy định.	378.000.000		378.000.000				Phòng Nông nghiệp-PTNT	
	- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp do UBND tỉnh quy định	127.000.000			127.000.000			Phòng Lao động-Thương binh và xã hội Huyện	
	- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Tổ chức đối thoại chính sách giảm nghèo	49.000.000				49.000.000		Phòng Lao động-Thương binh và xã hội Huyện	

STT	Nội dung; Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Chi tiết nhiệm vụ chi theo lĩnh vực					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Đảm bảo XH	SN. Kinh tế	SN. Giáo dục-ĐT	SN Văn hóa TT	SN. Môi trường		
	- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình: Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo	35.000.000			35.000.000			Phòng Lao động-Thương binh và xã hội Huyện	
4	Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đợt 1 năm 2024	2.010.000.000		962.000.000	723.000.000	-	325.000.000		
4.1	- Hỗ trợ dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm (theo Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018) năm thứ hai (Dự án liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nhân của Hợp tác xã Nông nghiệp hữu cơ An Phú Thuận) (0493)	92.000.000		92.000.000				UBND xã An Phú Thuận	
4.2	- Hỗ trợ lương cho lao động trẻ làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND Tỉnh- nguồn NS tỉnh (năm thứ hai) 0493-100	410.000.000		410.000.000				Phòng Nông nghiệp-PTNT	
4.3	- Đào tạo nghề nông nghiệp theo Kế hoạch 92/KH-UBND ngày 24/3/3021 của UBND tỉnh (5 lớp; 150 người) (0493)	148.000.000		148.000.000				Phòng Nông nghiệp-PTNT	
4.4	- Chi phí quản lý lớp Đào tạo nghề nông nghiệp (3,5%) (0502)	5.000.000		5.000.000				Phòng Nông nghiệp-PTNT	
4.5	- Đào tạo nghề phi NN theo Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 06/7/2021 của UBND Tỉnh (11 lớp; 225 người) (Hỗ trợ đào tạo 0493; Chi phí quản lý lớp học (3,5%) 0502)	351.000.000			351.000.000			Phòng Lao động-TBXH	
4.6	- Chi phí quản lý lớp Đào tạo nghề phi NN (3,5%) (0502)	11.000.000			11.000.000			Phòng Lao động-TBXH	
4.7	- Thực hiện các hoạt động thường niên về tuyên truyền, tổ chức hội thi, hỗ trợ chủ thể OCOP (0493)	230.000.000		230.000.000				Phòng Nông nghiệp-PTNT	
4.8	- Thực hiện truyền thông, tập huấn về NTM tại địa phương (0502)	77.000.000		77.000.000				Phòng Nông nghiệp-PTNT	
4.9	- Hỗ trợ 50% cho xã Tân Nhuận Đông xây dựng tiêu chí Nông thôn mới kiểu mẫu (0495-0498-100)	686.000.000	-	-	361.000.000	-	325.000.000		

STT	Nội dung; Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Chi tiết nhiệm vụ chi theo lĩnh vực					Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Đảm bảo XH	SN. Kinh tế	SN. Giáo dục-ĐT	SN Văn hóa TT	SN. Môi trường		
4.9.1	+ Thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	200.000.000					200.000.000	UBND xã Tân Nhuận Đông	
4.9.2	+ Hỗ trợ chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới (Mô hình làng thông minh)	486.000.000	-	-	361.000.000	-	125.000.000		
	. Trang bị phòng học STEM cho Trường Tiểu học Nha Môn 2 và Trường THCS Tân Nhuận Đông	361.000.000			361.000.000			Trường TH Nha Môn 2; Trường THCS Tân Nhuận Đông	
	. Hỗ trợ mô hình Quan trắc nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp, quan trắc đo 05 chỉ tiêu: Độ mặn, mực nước, pH, DO và nhiệt độ nước	125.000.000					125.000.000	UBND xã Tân Nhuận Đông	
	TỔNG CỘNG	5.319.530.000	1.806.530.000	2.254.000.000	885.000.000	49.000.000	325.000.000		